

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP
KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI
CÙ LAO CHÀM - HỘI AN
GIAI ĐOẠN 2015-2019, TẦM NHÌN 2030



BAN QUẢN LÝ KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÙ LAO CHÀM - HỘI AN

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP
**KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI
CÙ LAO CHÀM - HỘI AN
GIAI ĐOẠN 2015-2019, TẦM NHÌN 2030**

BAN QUẢN LÝ KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÙ LAO CHÀM - HỘI AN

**BAN QUẢN LÝ KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN THẾ GIỚI
CÙ LAO CHÀM - HỘI AN**

03 Nguyễn Huệ, Hội An, Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3.911.063

Fax: 0510.3.911.067

Email: khusinhquyenculaocham@gmail.com

Website: khusinhquyenculaocham.com.vn

Chỉ đạo thực hiện:

Nguyễn Thế Hùng

Phó Chủ tịch UBND TP. Hội An, Trưởng Ban BQL KSQ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Trần Thị Hồng Thúy

Phó Ban trực BQL KSQ Cù Lao Chàm - Hội An

Ảnh bìa: Minh Hải, Phạm Văn Hiệp

Biên dịch tiếng Anh: Ông Đinh Bảo Trị

Thiết kế và trình bày: Phạm Văn Hiệp

Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyền thế giới Cù Lao Chàm - Hội An giữ bản quyền xuất bản.

Giấy phép xuất bản số 146/GP-STTTT do Sở TTTT Quảng Nam cấp ngày 23/10/2015. In 300 cuốn, khổ 15 x 20,5 cm tại Công ty TNHH IN KIẾN.VN. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2015.

Số: 200A/QĐ-UBND

Hội An, ngày 02 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới
Cù Lao Chàm - Hội An giai đoạn 2015-2019, tầm nhìn 2030.**

ỦY BAN NHÂN THÀNH PHỐ HỘI AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Tham chiếu bằng công nhận Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An do UNESCO cấp ngày 26 tháng 5 năm 2009;

Theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND thành phố Hội An về việc thành lập Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm, Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND thành phố Hội An về việc kiện toàn bộ máy Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An tại Công văn số 09/KSQ ngày 15/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An giai đoạn 2015-2019, tầm nhìn 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thành ủy Hội An;
- TT.HĐND TP;
- 02 Ban HĐND TP;
- Như Điều 3;
- BQL KBTB CLC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q.CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng

Lời cảm ơn!

Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An xin gửi lời cảm ơn đến TS. Chu Mạnh Trinh và các thành viên trong Tổ công tác đã đóng góp trí tuệ, công sức để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch.

Xin cảm ơn UBND, các ban ngành của thành phố Hội An, các địa phương đặt biệt là cộng đồng 13 xã phường của thành phố đã tham gia thảo luận, chia sẻ thông tin để Tổ công tác hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch.

Xin gửi lời cảm ơn đến GS. Nguyễn Hoàng Trí, PGS. Nguyễn Chu Hồi, PGS. Võ Sỹ Tuấn và các chuyên gia trong Ban cố vấn KSQ Cù Lao Chàm - Hội An đã đóng góp kiến thức và phản biện để hoàn chỉnh các nội dung trong bản Kế hoạch.

***BQL Khu dự trữ sinh quyển thế giới
Cù Lao Chàm - Hội An***

TỔ CÔNG TÁC THAM GIA XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

STT	Họ và tên	Đơn vị	Vai trò
01	TS. Chu Mạnh Trinh	BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm	Tổ trưởng
02	Th.S Lê Ngọc Thảo	Ban Thư ký - KSQ	Điều phối
03	CN. Phạm Văn Hiệp	Ban Thư ký - KSQ	Thư ký
04	CN. Nguyễn Đức Minh	Ban Cố vấn - KSQ	Cố vấn
05	KS. Nguyễn Văn Vũ	BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm	Cán bộ hỗ trợ
06	KS. Võ Quảng Lâm	Phòng Kinh tế Hội An	Cán bộ hỗ trợ
07	KS. Lê Đại Quang	Phòng Tài nguyên & Môi trường Hội An	Cán bộ hỗ trợ
08	Th.S Đỗ T. Ngọc Uyển	T.T Quản lý bảo tồn di sản Văn hóa Hội An	Cán bộ hỗ trợ
09	CN. Võ Văn Trung	Phòng Văn hóa & Thông tin Hội An	Cán bộ hỗ trợ
10	CN. Nguyễn Phùng	Phòng Thương mại - Du lịch Hội An	Cán bộ hỗ trợ
11	CN. Nguyễn Đức Thành	Phòng Giáo dục & Đào tạo Hội An	Cán bộ hỗ trợ
12	KS. Nguyễn Hữu Hội	Phòng Tài chính - Kế hoạch Hội An	Cán bộ hỗ trợ
13	CN. Huỳnh T. Thùy Hương	BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm	Cán bộ hỗ trợ
14	CN. Trần Võ Bích Trâm	BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm	Cán bộ hỗ trợ

15	Th.S Nguyễn Thành Huy	BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm	Cán bộ hỗ trợ
16	KS. Trần T. Phương Thảo	BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm	Tổng hợp
17	Lê Nhung	UBMTTQ Việt Nam Cẩm Thanh	Cán bộ hỗ trợ
18	Huỳnh Viết Châu	UBMTTQ Việt Nam Cẩm Nam	Cán bộ hỗ trợ
19	Võ Quốc Thế	UBMTTQ Việt Nam Cẩm Kim	Cán bộ hỗ trợ
20	Trần Đây	UBMTTQ Việt Nam Cẩm An	Cán bộ hỗ trợ
21	Bùi Thị Liên	UBMTTQ Việt Nam Cẩm Phô	Cán bộ hỗ trợ
22	Trần Văn Tiến	UBMTTQ Việt Nam Cửa Đại	Cán bộ hỗ trợ
23	Đặng Xuân Cảnh	UBMTTQ Việt Nam Minh An	Cán bộ hỗ trợ
24	Nguyễn Văn Mại	UBMTTQ Việt Nam Cẩm Châu	Cán bộ hỗ trợ
25	Triệu Thanh Hoàng	UBMTTQ Việt Nam Sơn Phong	Cán bộ hỗ trợ
26	Nguyễn Viên Thành	UBMTTQ Việt Nam Thanh Hà	Cán bộ hỗ trợ
27	Phan Thị Nu	UBMTTQ Việt Nam Tân An	Cán bộ hỗ trợ
28	Lê Công Thắng	Tổ cộng đồng nghề dừa nước Cẩm Thanh	Cán bộ hỗ trợ
29	Trần Quý	Tổ DL cộng đồng thôn 7 Cẩm Thanh	Cán bộ hỗ trợ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. TỔNG QUAN	2
1.1. Giới thiệu về Khu sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An	2
1.2. Tính cấp thiết phải xây dựng Kế hoạch quản lý	3
1.3. Cơ sở khoa học của việc xây dựng Kế hoạch.....	4
1.4. Cơ sở pháp lý xây dựng Kế hoạch.....	4
1.5. Nguyên tắc xây dựng Kế hoạch.....	5
1.6. Nguyên tắc thực hiện Kế hoạch.....	5
1.7. Những nỗ lực để duy trì và đáp ứng các tiêu chí của một KSQ.....	5
2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG KẾ HOẠCH	7
2.1. Thành lập nhóm nghiên cứu và tổ công tác.....	7
2.2. Tập huấn TOT cho Tổ công tác.....	7
2.3. Chọn mẫu điều tra	7
2.4. Các công cụ làm việc với cộng đồng và các bên liên quan	8
2.4.1. Phân tích hiện trạng quản lý KSQ bằng mô hình DPSIR.....	8
2.4.2. Chi tiết các giải pháp theo nguyên tắc SMART	9
2.4.3. Chọn lựa các giải pháp ưu tiên theo ma trận SWOT	9
2.4.4. Phương pháp tổng hợp thông tin	9
2.4.5. Phương pháp hội thảo và phương pháp chuyên gia.....	10
2.5. Máy móc, thiết bị hỗ trợ cho quá trình xây dựng Kế hoạch	10
3. KẾT QUẢ.....	10
3.1. Xác định mục đích của việc xây dựng Kế hoạch quản lý.....	10
3.2. Xác định mục tiêu của Kế hoạch quản lý	10
3.3. Xây dựng tầm nhìn của Kế hoạch quản lý.....	11
3.4. Xây dựng các nhóm chiến lược cho Kế hoạch	12
3.5. Xây dựng các nhóm giải pháp trong Kế hoạch quản lý.....	16
3.6. Xây dựng các chỉ tiêu, chỉ số giám sát thực hiện Kế hoạch	20
4. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH.....	22
5. NHU CẦU TÀI CHÍNH.....	22
6. KIẾN NGHỊ.....	23
TÀI LIỆU THAM KHẢO	24
PHỤ LỤC 1:.....	26
Hoạt động chi tiết và khái toán nhu cầu kinh phí thực hiện bởi BQL KSQ Cù Lao Chàm.....	26
PHỤ LỤC 2:	41
Hoạt động chi tiết và khái toán nhu cầu kinh phí đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện.....	41

MỞ ĐẦU

Nằm cuối dòng sông Thu Bồn, thành phố Hội An được thừa hưởng một sự đa dạng các hệ sinh thái vùng cửa sông và ven bờ. Các bãi sậy, cồn cát, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, rạn san hô, quần cư rong biển, rừng tự nhiên trên đảo, cũng như cảnh quan trên cạn và dưới nước đã và đang mang lại cho Hội An một sự giàu có các dịch vụ sinh thái, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế xã hội địa phương nhất là hình thức du lịch sinh thái.

Với công cụ là tiếp cận các khái niệm bảo tồn và xây dựng các mô hình thực tiễn bao gồm bảo tồn di sản văn hóa, bảo tồn biển, bảo tồn rừng dừa nước từ cuối những năm 90 và sau đó là Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An (KSQ) được UNESCO công nhận vào tháng 5 năm 2009, hoạt động du lịch sinh thái tại Hội An đã phát triển ngày một mạnh mẽ. Số du khách đến với Hội An năm 2004 là vài trăm ngàn người, năm 2009 hơn 1 triệu, năm 2012 khoảng 1,5 triệu và năm 2013 là 1,6 triệu người.

Du lịch sinh thái phát triển đã và đang tạo cơ hội cho người dân cải thiện được sinh kế và nâng cao được chất lượng cuộc sống. Thu nhập được nâng cao, chất lượng cuộc sống được cải thiện là động lực cho người dân tham gia nhiều hơn và sâu hơn vào hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên tại thành phố Hội An.

Một trong những cách tiếp cận mới mà Hội An thực hiện tại thành phố mình là xây dựng Hội An thành thành phố Sinh thái, Văn hóa và Du lịch, trong đó sự hài hòa giữa văn hóa và sinh thái là điểm nhấn cho sự phát triển và bảo tồn của toàn vùng hạ lưu sông Thu Bồn, mà KSQ là nơi thể hiện cho sự hòa quyện đó thông qua sự gắn kết giữa tự nhiên và con người ở đây. Tuy nhiên, so với 7 tiêu chí được công nhận, KSQ đã và đang thể hiện nhiều tồn tại cần phải được khắc phục. KSQ cần một kế hoạch quản lý phù hợp nhằm đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn, khai thác mạnh mẽ sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý, sự hỗ trợ trong nước và quốc tế cho một cơ chế tài chính bền vững, đảm bảo hoạt động, để duy trì và giữ được danh hiệu này một cách lâu dài.

Trên cơ sở các nhu cầu trên, Kế hoạch quản lý KSQ được thực hiện. Kế hoạch gồm các nội dung chính: (1) Giới thiệu về phạm vi, cơ sở khoa học xây dựng kế hoạch quản lý, những nỗ lực cần thực hiện để duy trì và đáp ứng các tiêu chí KSQ, chiến lược xây dựng, phát triển KSQ; (2) Phương pháp nghiên cứu, các nguyên tắc và qui trình xây dựng Kế hoạch; (3) Kết quả chính: tầm nhìn, mục đích, mục tiêu, chương trình hành động, hoạt động cụ thể và dự thảo tài chính.

1. TỔNG QUAN

1.1. Giới thiệu về Khu sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An

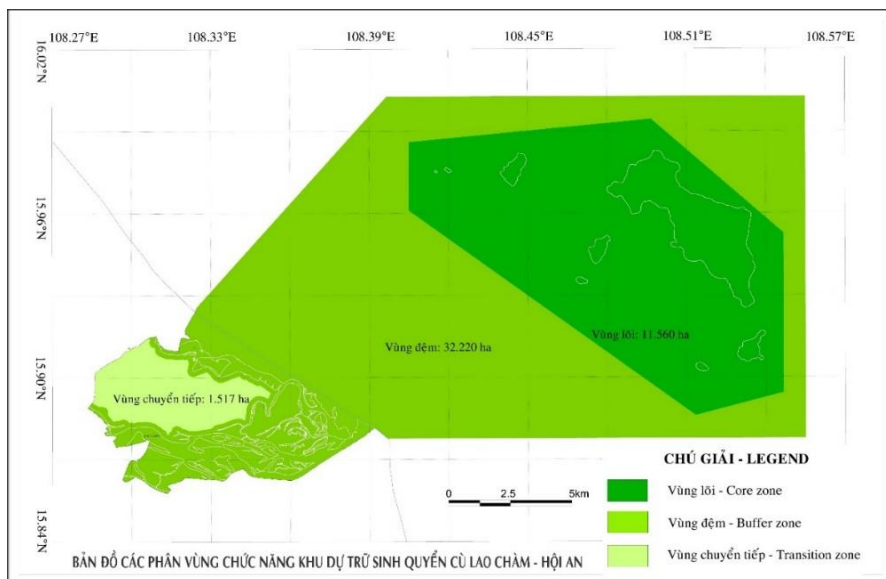
Theo hồ sơ công nhận danh hiệu KSQ của UNESCO:

- Tên đầy đủ: Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Tên viết tắt: Khu sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An.

- Ngày công nhận: 26/5/2009.

- Thuộc: Tỉnh Quảng Nam, diện tích: 45.297 ha, dân số: 93.060 người.



Hình 1: Bản đồ các phân vùng chức năng KSQ Cù Lao Chàm - Hội An

Phân 03 vùng chức năng: Vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp.

- *Vùng lõi*: Gồm các vùng chức năng (vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng phục hồi sinh thái, vùng phát triển, vùng khai thác hợp lý) và toàn bộ những đảo nổi trong phạm vi Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm. Vùng lõi có diện tích 11.560 ha, là nơi thực hiện chủ yếu chức năng bảo tồn của KSQ thông qua hoạt động của Khu bảo tồn biển và lực lượng bảo tồn rừng đặc dụng Cù Lao Chàm.

- *Vùng đệm*: Gồm phần biển bao xung quanh vùng lõi cùng với toàn bộ diện tích hệ thống sông, kênh rạch, ao hồ tự nhiên, vùng đất ngập nước tự

nhiên, bãi biển thuộc thành phố Hội An với diện tích 32.220 ha. Nơi đây tập trung các hệ sinh thái quan trọng và có tương tác mật thiết với vùng lõi. Các hệ sinh thái, sinh cảnh quan trọng trong vùng đệm bao gồm: sông, đất ngập nước, rừng ngập mặn, bãi triều, bãi biển, doi cát, cửa sông, v.v... Vùng đệm có vai trò rất quan trọng trong việc kiểm soát chất lượng nước trước khi ra biển và liên kết sinh thái giữa lục địa - đại dương.

- *Vùng chuyển tiếp*: Là phần diện tích tự nhiên còn lại của Hội An với diện tích 1.517 ha, trong đó nổi bật là Khu Phố cổ Hội An - Di sản văn hóa Thế giới, các làng nghề truyền thống đặc trưng thể hiện sự giao thoa, tương tác giữa con người và thiên nhiên.

1.2. Tính cấp thiết phải xây dựng Kế hoạch quản lý

Khu sinh quyền Cù Lao Chàm - Hội An được UNESCO công nhận dựa trên các giá trị tài nguyên thiên nhiên và nhân văn rất đặc trưng. Nơi đây được đánh giá là có sự đa dạng các hệ sinh thái của vùng hạ lưu, vùng bờ và biển đảo trong tính đa dạng thuộc loại bậc nhất Việt Nam và là vùng đất giàu tài nguyên nhân văn với các di tích văn hóa lịch sử, lối kiến trúc nghệ thuật là minh chứng cho sự giao thoa văn hóa qua các thời kỳ Văn hóa Sa Huỳnh, Chăm Pa và Đại Việt.

KSQ là một minh chứng rõ nét nhất về sự giao lưu, kết hợp hài hòa và sinh động giữa con người và thế giới tự nhiên. Trong đó nổi bật hơn hết chính là Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm và Đô thị cổ Hội An - di sản văn hóa thế giới của UNESCO.

Tuy vậy, sau 05 năm được UNESCO công nhận danh hiệu, việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn của KSQ đang gặp phải nhiều khó khăn, thách thức. Sự gia tăng đột biến lượng khách đến đảo (tính đến tháng 8/2014 đã có 230.000 lượt khách đến đảo); vấn đề ô nhiễm môi trường chưa được quản lý, kiểm soát; thiên tai, thời tiết cực đoan và các vấn đề biến đổi khí hậu; định hướng phát triển chưa rõ ràng và còn nhiều nghịch lý, mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển, giữa quản lý hành chính và quản lý bảo tồn, v.v... Điều này đã gây áp lực rất lớn đến nguồn tài nguyên, tác động không nhỏ đến sinh kế người dân và ảnh hưởng toàn diện đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương trong phạm vi KSQ.

Chính vì vậy, việc xây dựng Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyền thế giới Cù Lao Chàm - Hội An giai đoạn 2015-2019 và tầm nhìn đến năm 2030 (Sau đây viết tắt là **Kế hoạch**) là hết sức cần thiết, giúp cơ quan quản lý nhà nước hoạch định được chiến lược, nội dung quản lý; Các cơ quan nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật thấy được nhu cầu nghiên cứu trong

thực tiễn; Các doanh nghiệp nhìn thấy được lợi ích và trách nhiệm của mình trong phát triển; Cộng đồng thấy được lợi ích và trách nhiệm bảo tồn tài nguyên để phát triển sinh kế bền vững. Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch sẽ giúp tất cả các bên liên quan và toàn xã hội cùng chung tay bảo vệ, gìn giữ và phát huy danh hiệu KSQ cho hôm nay và mai sau.

1.3. Cơ sở khoa học của việc xây dựng Kế hoạch

Cơ sở khoa học của việc xây dựng Kế hoạch chính là làm thế nào để duy trì, đáp ứng các tiêu chí khoa học mà UNESCO đã công nhận đó là:

(1) Vì có các hệ sinh thái đặc trưng của vùng cửa sông và ven bờ như các cồn cát ven sông, bãi sù vẹt, rừng ngập mặn, vùng triều, bãi biển, thảm cỏ biển, rạn san hô, rong biển, rừng trên đảo hài hoà với hoạt động sống của con người;

(2) Vì có sự thể hiện của bảo tồn đa dạng sinh học cao thông qua mục tiêu của Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm;

(3) Vì có sự thể hiện của việc khai thác hoặc trình diễn các hoạt động phát triển một cách bền vững như du lịch sinh thái Cù Lao Chàm, du lịch sinh thái rừng dừa nước Cẩm Thanh, du lịch biển Cửa Đại, du lịch vùng cửa sông Thu Bồn, du lịch vườn rau Trà Quế, làng nghề gốm Thanh Hà, làng nghề mộc Kim Bồng, bảo tồn của Đá Cù Lao Chàm, nói không với túi ni lông Cù Lao Chàm, phân loại rác tại nguồn toàn thành phố Hội An...vv;

(4) Vì có kích thước đủ lớn thể hiện rõ các chức năng đặc trưng của dự trữ sinh quyển là hài hoà giữa các lợi ích về tài nguyên thiên nhiên, văn hoá, xã hội và con người;

(5) Vì có phân chia vùng chức năng lõi, đệm và chuyển tiếp;

(6) Vì có thể hiện sự quản lý tổng hợp, thích ứng và chia sẻ lợi ích giữa các nhóm cộng đồng địa phương;

(7) Vì có thể cung cấp các hoạt động hỗ trợ cho nghiên cứu khoa học, đào tạo, giám sát, quan trắc, giáo dục,...

1.4. Cơ sở pháp lý xây dựng Kế hoạch

Theo quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND thành phố Hội An về việc kiện toàn bộ máy và hoạt động của BQL Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An;

Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 về Ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của BQL Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An;

Kế hoạch khung quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An.

1.5. Nguyên tắc xây dựng Kế hoạch

Quá trình xây dựng Kế hoạch được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- (1) Có sự tham gia của cộng đồng;
- (2) Có sự tham gia của các bên liên quan;
- (3) Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trên cơ sở phản biện và chọn lọc;
- (4) Các vấn đề được quyết định trên cơ sở thảo luận và thống nhất của tập thể.

1.6. Nguyên tắc thực hiện Kế hoạch

Sau khi Kế hoạch được xây dựng và phê duyệt, việc triển khai các hoạt động trong kế hoạch sẽ đảm bảo theo các nguyên tắc:

- (1) Đa dạng hoá các hình thức và tài liệu truyền thông;
- (2) Quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, đa mục tiêu và quản lý thích ứng;
- (3) Chú trọng phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng;
- (4) Các giải pháp trong kế hoạch phải được tính toán theo kịch bản biến đổi khí hậu của địa phương;
- (5) Sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan trong triển khai Kế hoạch.

1.7. Những nỗ lực để duy trì và đáp ứng các tiêu chí của một KSQ

(1) Các hệ sinh thái đặc trưng của vùng cửa sông Thu Bồn – Hội An và ven bờ:

- Chỉ mới triển khai được mô hình bảo tồn biển tại quần đảo Cù Lao Chàm.

- Cần quan tâm bằng hành động cụ thể cho bảo tồn hệ sinh thái vùng cửa sông Thu Bồn – Hội An.

- Không chỉ rừng dừa nước Cẩm Thanh, mà các cồn cát ven sông, bãi sù vẹt, thảm cỏ biển, các cây ngập mặn bản địa, bãi biển và rừng tự nhiên trên đảo cũng cần được quy hoạch bảo tồn.

- Hệ sinh thái vùng sông Cổ Cò và sông Trường Giang cũng cần được quan tâm bảo vệ.

(2) Bảo tồn đa dạng sinh học cần phải được nhanh chóng triển khai cho toàn vùng cửa sông và ven bờ của thành phố Hội An. Các nghiên cứu đánh giá đa dạng sinh học và chất lượng môi trường cần được thực hiện sớm nhằm cung cấp thông tin cho quy hoạch bảo tồn và sử dụng hiệu quả các giá trị dịch vụ sinh thái tại địa phương.

(3) Các mô hình khai thác, sử dụng bền vững và bảo vệ môi trường tại thành phố Hội An được hình thành và triển khai bước đầu đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cho địa phương, nhất là mang lại nhiều cơ hội cho sinh kế thay thế mới, góp phần tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho cộng đồng. Tuy nhiên các mô hình này mới chỉ hoạt động nhỏ lẻ, chưa đủ sức lan tỏa, nhận thức và năng lực chung của cộng đồng chưa cao, người tham gia mà cụ thể là người dân hưởng lợi từ các mô hình này chưa tích cực với công tác bảo tồn. Các mô hình trên cần được tăng cường củng cố, nâng cấp để có thể đạt được hiệu quả cao hơn và bền vững hơn.

(4) Hiện tại KSQ có diện tích khoảng 45.297 ha và được phân thành 3 vùng chức năng khác nhau, trong đó vùng lõi với diện tích 11.560 ha, vùng đệm khoảng 32.220 ha, và vùng chuyển tiếp là 1.517 ha. Với diện tích này, KSQ có đủ điều kiện để thể hiện chức năng đặc trưng của một KSQ là hài hòa các lợi ích về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, xã hội và con người. Tuy nhiên trong những năm qua, khái niệm KSQ chỉ mới tập trung vào vùng lõi và chỉ đặt nặng vào các yếu tố bảo tồn và quản lý bảo tồn, mặc dầu điều này vẫn chưa thực hiện được hiệu quả vì trong vùng lõi của KSQ có đến 3.000 người dân sinh sống và mỗi năm phải nhận hơn 230.000 khách du lịch. Khái niệm KSQ chưa được truyền thông, thảo luận đến với cộng đồng trong các vùng còn lại của thành phố Hội An. Điều này có nghĩa là hơn 93.000 người dân của thành phố chưa được biết rằng họ đang sinh sống tại một nơi đã và đang được thế giới công nhận là KSQ, và chắc chắn rằng áp lực gia tăng từ các vùng này lên hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững ngày một cao.

(5) Sự phân chia các vùng chức năng một cách rõ ràng tại KSQ đã và đang tăng cường hoạt động quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường cũng như các hoạt động phát triển kinh tế xã hội khác tại thành phố Hội An. Tuy nhiên, các vùng chức năng này cần được tiếp cận nhiều nghiên cứu cơ bản như điều tra, đánh giá đa dạng sinh học và chất lượng môi trường trong toàn vùng để có đầy đủ thông tin hỗ trợ cho việc quy hoạch và cập nhật quy hoạch phù hợp với tiềm năng và sử dụng hiệu quả tiềm năng của toàn KSQ.

(6) Nguyên tắc quản lý tổng hợp và quản lý thích ứng đã và đang được áp dụng tại KSQ, cũng như sự chia sẻ lợi ích giữa các nhóm cộng đồng

hưởng lợi, tuy nhiên hiệu quả mang lại cũng như hoạt động triển khai các nguyên tắc này chưa được tích cực. Quản lý tổng hợp, quản lý thích ứng và lợi ích chia sẻ giữa các nhóm cộng đồng trong KSQ cần được nghiên cứu, cập nhật thông tin, tăng cường hoạt động giám sát để có thể đánh giá hiệu quả của mô hình và điều chỉnh chính sách phù hợp với mục tiêu của bảo tồn và phát triển bền vững tại đây.

(7) Trong những năm qua, KSQ đã là cơ sở thực nghiệm cũng như cung cấp các hoạt động hỗ trợ cho nghiên cứu khoa học, đào tạo, giám sát, quan trắc, giáo dục rất hiệu quả cho các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Tuy nhiên, hoạt động này cần được tăng cường hợp tác và triển khai trên khắp các vùng chức năng của KSQ nhằm tạo nguồn thông tin hỗ trợ cho công tác bảo tồn và phục vụ quản lý. Ngoài ra đây cũng chính là một hình thức du lịch mới tại địa phương góp phần gia tăng thu nhập cho cộng đồng.

2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

2.1. Thành lập nhóm nghiên cứu và tổ công tác

Để thực hiện các nội dung, qui trình xây dựng Kế hoạch, cơ quan chủ trì là Ban quản lý KSQ đã xúc tiến thành lập Tổ công tác bao gồm Ban thư ký KSQ, các thành viên trong Tổ kỹ thuật KSQ, đại diện các phòng ban và Ủy ban MTTQVN 13 xã/phường thuộc thành phố Hội An.

2.2. Tập huấn TOT cho Tổ công tác

Ban thư ký, Tổ kỹ thuật chịu trách nhiệm tập huấn cho tập huấn viên (TOT) về phương pháp, công cụ, qui trình xây dựng Kế hoạch cho tất cả thành viên Tổ công tác. Trong quá trình xây dựng kế hoạch, Tổ công tác sẽ tham gia điều hành trực tiếp các buổi hội thảo, tham vấn cộng đồng và các bên liên quan tại địa phương (xã phường) để thu thập thông tin. Thành viên Tổ công tác tham gia các buổi thảo luận chuyên đề và trực tiếp xử lý thông tin để xây dựng nội dung của Kế hoạch.

2.3. Chọn mẫu điều tra

Khu vực điều tra được giới hạn trong phạm vi KSQ. Số lượng các mẫu điều tra được tính toán dựa vào công thức:

$$n = \frac{N}{1 + Ne^2}$$

(nguồn: Nancy J. Helen F. Clair E, 2004)

N: là số hộ gia đình trong cộng đồng, hoặc là số thành viên trong một cộng đồng ngành nghề nhỏ, ví dụ số thành viên hộ gia đình làm homestay trong nhóm homestay, hoặc số doanh nghiệp dịch vụ du lịch trong nhóm dịch vụ du lịch...vv.

e: độ sai số, được tính bằng phần trăm sai số của số gốc. Như vậy e có thể diễn biến từ 10%, 20%, 30%, 40%. Tùy theo mức độ đa dạng của thành phần nghề nghiệp trong cộng đồng mà chọn độ sai số nhỏ hay lớn. Hay nói cách khác là tính đồng nhất của các thành phần về quan hệ giữa lợi ích cá nhân thành phần và lợi ích chung của cộng đồng mà có thể chọn độ sai số lớn hoặc nhỏ. Thí dụ đối với trường hợp cộng đồng KSQ, do tính đa dạng của các ngành nghề nên độ sai số được chọn là 10%. Điều này phù hợp với các khảo sát được thực thi lấy mẫu theo đơn vị xã/phường hoặc lấy mẫu theo từng ngành nghề riêng biệt.

Áp dụng công thức này, số mẫu được điều tra, tham vấn trong tất cả các đợt hội thảo tham vấn là:

N: Số dân cư trong KSQ tại thời điểm nghiên cứu năm 2014 khoảng hơn 93.000 người.

n: Số người tham gia vào các đợt tham vấn xây dựng kế hoạch.

Bảng 1: Độ tin cậy và số mẫu điều tra

N	93000	93000	93000	93000	93000
e	5%	10%	20%	30%	40%
n	398,29	99,89	24,99	11,11	6,25

Trên thực tế, số lượng cộng đồng tham gia các buổi tham vấn là 360 người gồm:

- Cộng đồng tại đảo Cù Lao Chàm: 30 người x 4 thôn = 120 người.
- Cộng đồng trong đất liền: 40 người x 6 lớp = 240 người.

Như vậy, số mẫu được chọn trong xây dựng kế hoạch có độ tin cậy gần 95%.

2.4. Các công cụ làm việc với cộng đồng và các bên liên quan

2.4.1. Phân tích hiện trạng quản lý KSQ bằng mô hình DPSIR

Phương pháp Đánh giá Tổng hợp DPSIR là một mô hình nhận thức dùng để xác định, phân tích và đánh giá các chuỗi quan hệ nguyên nhân - kết quả: nguyên nhân gây ra các vấn đề về tài nguyên, môi trường, nhận thức,... hậu

quả của chúng và các biện pháp ứng phó cần thiết. Cấu trúc của mô hình bao gồm các thông số chỉ thị về điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của vùng nghiên cứu. Dựa vào đặc điểm, bản chất, các thông số này được chia thành 5 hợp phần: Driver – Pressure – State – Impact – Response. (Động lực chi phối - Áp lực - Hiện trạng - Tác động ứng phó).

Sử dụng mô hình phân tích nhận thức DPSIR để phân tích hiện trạng quản lý của KSQ Cù Lao Chàm – Hội An theo 7 tiêu chí được công nhận, nhằm tìm ra các giải pháp thực hiện trong thời gian đến. Các động lực chi phối chính được xem xét bao gồm các nhóm: sinh kế, tài nguyên nhân văn, tài nguyên thiên nhiên, thể chế chính sách và truyền thông. Từ việc điều tra, khảo sát, tham vấn cộng đồng theo mô hình này, chúng ta rút ra được các nguyên nhân và biện pháp ứng phó theo nhu cầu của cộng đồng, làm cơ sở để tiếp tục phân tích bằng các phương pháp tiếp theo.

2.4.2. Chi tiết các giải pháp theo nguyên tắc SMART

SMART là một công cụ đơn giản được sử dụng để xác định các mục tiêu một cách rõ ràng, để xây dựng một kế hoạch hành động chính xác nhằm đạt được kết quả tối ưu. Nguyên tắc SMART thực hiện gồm 5 bước:

(1) Cụ thể (Specific): tập trung vào thiết lập và định nghĩa một cách rõ ràng các mục tiêu lớn.

(2) Lượng hoá (Measurable): cụ thể, rõ ràng các mục tiêu bằng số liệu như: bao nhiêu người, bao nhiêu lớp,... vv.

(3) Thực thi (Achievable): ai làm.

(4) Hợp lý (Realistic): xác định tính thực tế của mục tiêu.

(5) Thời gian (Time bound): thời gian để thực hiện mục tiêu vạch ra.

2.4.3. Chọn lựa các giải pháp ưu tiên theo ma trận SWOT

SWOT là một phép phân tích các hoàn cảnh môi trường bên trong và bên ngoài khi xây dựng kế hoạch. Các bước để phân tích SWOT bao gồm: xác định mục tiêu, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu bên trong và cơ hội, thách thức từ bên ngoài khi thực hiện mục tiêu đó. Như vậy, thông qua quá trình phân tích SWOT sẽ xác định được các mục tiêu có thể thực hiện được và ưu tiên thực hiện trước.

2.4.4. Phương pháp tổng hợp thông tin

Để có cơ sở tiền đề cho việc xây dựng kế hoạch quản lý KSQ, phải thực hiện các cuộc tham vấn cộng đồng để thu thập ý kiến. Sau đó, thông tin sẽ được tổng hợp và phân tích theo các phương pháp SMART, SWOT nhờ tổ

công tác đã được tập huấn kỹ thuật về các phương pháp trên. Trên cơ sở đó, tổ kỹ thuật sẽ tổng hợp lại và hình thành bảng kế hoạch quản lý KSQ. Thông tin về các cuộc tham vấn cộng đồng, tập huấn kỹ thuật được trình bày ở phần phụ lục.

2.4.5. Phương pháp hội thảo và phương pháp chuyên gia

Đề cương hoạt động xây dựng Kế hoạch được Ban thư ký, Tổ kỹ thuật KSQ xây dựng trên cơ sở cập nhật và áp dụng các qui trình xây dựng kế hoạch quản lý của một khu bảo tồn, khu sinh quyển ở Việt Nam và thế giới.

Nội dung Kế hoạch sẽ được xây dựng trên cơ sở tổ chức các buổi hội thảo tham vấn cộng đồng và các bên liên quan tại xã đảo Tân Hiệp và 12 xã phường trong đất liền. Các hội thảo tham vấn này sẽ là nguồn cung cấp thông tin chủ yếu cho các nội dung trong Kế hoạch.

Các nội dung chính trong dự thảo kế hoạch tiếp tục được tham vấn ý kiến của chính quyền cấp thành phố, các ban ngành địa phương và các chuyên gia từ cấp tỉnh đến quốc gia để phân biện, hoàn chỉnh và tăng tính khả thi của Kế hoạch.

2.5. Máy móc, thiết bị hỗ trợ cho quá trình xây dựng Kế hoạch

Trong quá trình triển khai các hoạt động, Tổ công tác đã sử dụng các thiết bị, máy móc hỗ trợ như là: máy chụp hình, máy tính, máy chiếu, máy ghi âm,... để tăng cường hiệu quả làm việc và xử lý thông tin.

3. KẾT QUẢ

3.1. Xác định mục đích của việc xây dựng Kế hoạch quản lý

Xây dựng và định hướng các chiến lược quản lý và phát triển KSQ lâu dài, trên cơ sở vận động được sức mạnh và lực lượng toàn xã hội, giữ vững và phát triển 7 tiêu chí được công nhận, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương hài hoà với bảo vệ hiệu quả tài nguyên môi trường. Thay đổi và nâng cao nhận thức cộng đồng, du khách, hướng đến phát triển sinh kế bền vững.

3.2. Xác định mục tiêu của Kế hoạch quản lý

(1) Đến năm 2020, 100% cán bộ cùng với 60% cộng đồng và du khách hiểu, tuân thủ và cùng nhau thực hiện các quy chế về KSQ, công tác bảo vệ môi trường, khai thác bền vững...vv.

(2) Đến năm 2020, xây dựng được hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu KSQ, bản đồ GIS, các trung tâm, phòng thí nghiệm nuôi cấy và ngân hàng gen.

(3) Đến năm 2020, xây dựng, tổng hợp được cơ sở dữ liệu về các yếu tố trong KSQ như diễn biến kinh tế xã hội, hệ sinh thái, vòng đời sinh vật, chất lượng nước, hình thức văn nghệ dân gian,...vv.

(4) Đến năm 2020, quản lý và kiểm soát tốt các quy chế trong KSQ theo nguyên tắc quản lý đa ngành, đa nghề, đa mục tiêu.

(5) Đến năm 2020, đáp ứng được nhu cầu sinh kế phù hợp, ổn định kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với tiêu chí KSQ cho 30% cộng đồng.

(6) Mỗi năm, phải có 20% cán bộ xã phường và các phòng ban liên quan được đào tạo về các lĩnh vực, kỹ năng chuyên môn và 30% cộng đồng được đào tạo về các ngành nghề để đáp ứng sự phát triển của du lịch.

(7) Mỗi năm, phải báo cáo đánh giá tác động của môi trường, du khách, cư dân ảnh hưởng đến các yếu tố trong KSQ.

(8) Hằng năm, 30% cán bộ, lực lượng làm công tác bảo tồn biển, dự trữ sinh quyển, tài nguyên, môi trường, sinh thái được đào tạo về các lĩnh vực chuyên môn.

(9) Mỗi năm, thu hút được 30% các nguồn tài trợ, nhân lực hỗ trợ cho các hoạt động của KSQ nói riêng và thành phố Hội An nói chung.

(10) Mỗi năm, đầu tư, nâng cấp được 30% cơ sở hạ tầng như: hệ thống đê điều, kè biển, bảo tàng sinh vật và các xây dựng cơ bản cho cộng đồng ở nông thôn.

3.3. Xây dựng tầm nhìn của Kế hoạch quản lý

Đến năm 2030, Hội An trở thành một thành phố sinh thái với các tài nguyên thiên nhiên, văn hoá được bảo tồn. Phố cổ vẫn giữ nguyên vẹn nét cổ kính, yên bình. Đường phố được phủ xanh, rợp bóng mát. Hạn chế mức thấp nhất tình trạng ô nhiễm sông biển; Phục hồi và tái tạo tốt nguồn lợi thủy sản. Sự nghiệp kinh tế - xã hội phát triển bền vững. Mức sống của người dân ổn định, nhận thức tăng cao.

3.4. Xây dựng các nhóm chiến lược cho Kế hoạch

Bảng 2: Tổng hợp các Chiến lược của Kế hoạch

STT	ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC
01	<i>Chiến lược truyền thông</i>	
	Cộng đồng CLC, Hội An và du khách	- Quy định, ý nghĩa, giá trị của bảo tồn biển, dự trữ sinh quyển, thành phố sinh thái. - Trách nhiệm và lợi ích tham gia của người dân và du khách. - Nguyên lý hoạt động cơ bản của các hệ sinh thái, tài nguyên tái tạo, chu trình sống, năng lượng, chuỗi thức ăn,...vv. - Các mô hình xử lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường. - Các mô hình sinh kế bền vững.
02	<i>Chiến lược đào tạo nâng cao năng lực</i>	
	- Cộng đồng CLC, Hội An - Cán bộ các ban ngành, xã phường của thành phố.	- Đào tạo các kỹ năng về truyền thông, giao tiếp ứng xử, thực thi pháp luật. - Đào tạo nâng cao kỹ thuật làm nghề truyền thống, phục vụ du lịch.

STT	ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC
03	<i>Chiến lược nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ</i>	
	- Các hệ sinh thái: rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn (rừng dừa nước), bãi sậy, cồn cát, bãi triều...trong vùng cửa sông và ven bờ, hệ sinh thái rừng Cù Lao Chàm. - Dân cư sinh sống trong thành phố Hội An và các vùng lân cận trong vùng cửa sông Thu Bồn – Hội An.	- Nghiên cứu đánh giá diễn biến hiện trạng sức khỏe của các hệ sinh thái cơ bản, điều kiện môi trường, cảnh quan tự nhiên,... trong vùng cửa sông Thu Bồn - Hội An. - Vòng đời và các yếu tố sinh thái của các đối tượng nguồn lợi kinh tế như cua Đá, tôm Hùm, ốc Vú Nàng, cá Mú, cá Dĩa, trai Tai tượng...vv. - Bãi giống với các đối tượng như cá dĩa, cá mú, cá sơn,...vv trong vùng cửa sông liên quan đến phát triển nguồn lợi trong vùng biển ven bờ... - Diễn biến chất lượng nước vùng cửa sông Thu Bồn, và ven bờ Cù Lao Chàm. - Nghiên cứu đánh giá diễn biến hiện trạng kinh tế xã hội của cộng đồng,...
04	<i>Chiến lược xây dựng luận cứ khoa học hỗ trợ công tác quản lý</i>	
	Quản lý, bảo vệ các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, bãi sậy, bãi triều, đụn cát.	Hoạt động phối kết hợp trong tuần tra, kiểm soát giữa lực lượng bảo tồn biển, dân quân, công an, biên phòng, kiểm ngư, cộng đồng...

STT	ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC
	- Quản lý, bảo vệ các đối tượng loài kinh tế mục tiêu như cua Đá, Tôm Hùm, ốc Vú Nàng, cá Mú, cá Dìa, trai Tai tượng,... - Quản lý các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên môi trường trong vùng cửa sông Thu Bồn – Hội An.	
05	<i>Chiến lược phát triển sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu</i>	
	- Cộng đồng CLC, Cẩm Thanh và các địa phương, doanh nghiệp. - Cơ quan quản lý, chính quyền địa phương,...	Nghiên cứu và ứng dụng các mô hình sinh kế bền vững đến với cộng đồng.
06	<i>Chiến lược giám sát, đánh giá</i>	
	Sức khỏe các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng Cù Lao Chàm, bãi sậy,... - Chất lượng nước biển ven bờ, nước vùng cửa sông,... - Kinh tế thủy sản, du lịch.	- Đo đạc độ phủ rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng Cù Lao Chàm, diện tích bãi sậy, bãi triều... - Thành phần các loài cá rạn, san hô, cỏ biển, cây ngập mặn, động vật đáy, động thực vật vùng cửa sông, rừng Cù Lao Chàm. - Mật độ, kích thước các loài có giá trị kinh tế,... - Phương thức khai thác.

STT	ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC
		- Sản phẩm du lịch. - Số lượng, thành phần du khách. - Thành phần, khối lượng rác thải.
07	<i>Chiến lược phát triển nguồn nhân lực</i>	
	Lực lượng làm công tác: bảo tồn biển, dự trữ sinh quyển, tài nguyên, môi trường.	- Sinh học, sinh thái biển. - Sinh thái, tài nguyên, môi trường. - Khai thác, nuôi trồng. - Du lịch. - Cộng đồng.
08	<i>Chiến lược hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư</i>	
	- Doanh nghiệp, mạnh thường quân. - Các tổ chức như IUCN, UNESCO, GEF, JICA, GIZ, MFF,... - Các trường Đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. - Lãnh đạo các ban ngành. - Tình nguyện viên.	- Trao đổi, hợp tác đào tạo về KSQ. - Tổ chức các tour tham quan, hội thảo, hội chợ.

STT	ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC
09	<i>Chiến lược quản lý cơ sở dữ liệu KSQ</i>	
	Lực lượng làm công tác bảo tồn biển, dự trữ sinh quyển, tài nguyên, môi trường.	- Xây dựng phần mềm quản lý hệ thống - Xây dựng bộ bản đồ kỹ thuật số - Đào tạo nhân lực về các chuyên ngành: sinh học phân tử, nuôi cấy mô tế bào, nhân giống san hô,...
10	<i>Chiến lược đầu tư cơ sở hạ tầng và xây dựng cơ bản</i>	
	- Cộng đồng Hội An. - Du khách.	- Xây dựng các cơ sở hạ tầng như: cầu, kè, hầm rút,... - Xây dựng bảo tàng sinh vật biển.

3.5. Xây dựng các nhóm giải pháp trong Kế hoạch quản lý

Các nhóm giải pháp trong kế hoạch được xây dựng căn cứ trên các chiến lược đã được xác định. Tổng hợp các nhóm giải pháp như sau:

Bảng 3: Tổng hợp các giải pháp của Kế hoạch

STT	CHIẾN LƯỢC	GIẢI PHÁP ĐÁP ỨNG
01	Truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi.	- Tuyên truyền và phổ biến quy chế KSQ ; - Truyền thông về đa dạng sinh học ; - Hội thảo về KSQ và công tác truyền thông ; - Chương trình marketing du lịch sinh thái cộng đồng trong KSQ;

STT	CHIẾN LƯỢC	GIẢI PHÁP ĐÁP ỨNG
		- Tuyên truyền về quy định khai thác thủy sản mang tính bền vững; - Tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường; - Truyền thông về bảo tồn rùa biển; - Kết nối với mạng lưới quốc gia.
02	Đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan.	- Cập nhật thông tin, kiến thức về KSQ cho các bên liên quan; - Nâng cao năng lực quản lý KSQ; - Tham quan học tập chia sẻ kinh nghiệm với các KSQ trong và ngoài nước; - Thiết lập các mối quan hệ và chia sẻ kinh nghiệm với KSQ trong và ngoài nước;
03	Nghiên cứu ứng dụng Khoa học công nghệ.	- Nghiên cứu phục hồi tự nhiên các hệ sinh thái cồn cát, vùng ven bờ sông trong KSQ; - Nghiên cứu xác định các bãi đẻ tự nhiên của các loài thủy sản trong KSQ; - Nghiên cứu giải pháp lâm sinh nhằm duy trì, tái phục hồi hệ sinh thái rừng đặc dụng Cù Lao Chàm; - Nghiên cứu bảo tồn hến và các loài 2 mảnh vỏ vùng hạ lưu sông Thu Bồn; - Nghiên cứu giải pháp bảo tồn các loài chim và hệ động vật cạn tại rừng dừa Cẩm Thanh và các vùng lân cận; - Nghiên cứu sinh học, sinh thái, sinh sản và bệnh trên đàn chim yến tự nhiên Cù Lao Chàm;

STT	CHIẾN LƯỢC	GIẢI PHÁP ĐÁP ỨNG
		- Nghiên cứu các giải pháp bảo tồn hệ động vật rừng Cù Lao Chàm; - Hợp tác, phối hợp nghiên cứu với sinh viên, các nhà khoa học, các tổ chức trong và ngoài nước.
04	Xây dựng luận cứ khoa học phục vụ cho công tác quản lý.	- Nghiên cứu điều chỉnh phân vùng chức năng KSQ theo thời gian; - Xây dựng và cập nhật quy chế quản lý KSQ.
05	Phát triển sinh kế bền vững gắn với thích ứng biến đổi khí hậu.	- Nghiên cứu chiến lược phát triển sinh kế bền vững trong KSQ; - Triển khai thí điểm chương trình sinh kế bền vững trong KSQ; - Phát triển nhân rộng chương trình sinh kế bền vững; - Đối thoại, tham vấn cộng đồng về sinh kế phù hợp với KSQ; - Hỗ trợ chuyển đổi sinh kế bền vững; - Xây dựng và phát triển nhãn hiệu sinh thái cho các sản phẩm của KSQ.
06	Giám sát, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch.	- Xây dựng chương trình giám sát về KSQ; - Giám sát tác động của du khách đến tài nguyên KSQ; - Đánh giá tác động môi trường của các công trình xây dựng trong KSQ; - Đánh giá hiệu quả triển khai kế hoạch quản lý KSQ giữa kỳ và cuối kỳ; - Xây dựng kế hoạch quản lý KSQ 2020 - 2024.

STT	CHIẾN LƯỢC	GIẢI PHÁP ĐÁP ỨNG
07	Phát triển nguồn nhân lực.	- Tạo điều kiện để thu hút các chuyên gia đầu ngành về KSQ; - Hình thành các chuyên môn và các nhóm nghiên cứu chuyên ngành; - Đào tạo ngắn hạn và dài hạn các nhân viên của KSQ về các lĩnh vực.
08	Hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư.	- Thu hút đầu tư cho KSQ; - Xây dựng và phát triển mạng lưới tình nguyện viên của KSQ trong và ngoài nước; - Khuyến khích trao đổi và đào tạo chuyên môn; - Hợp tác đào tạo với các trường, viện, tổ chức, chương trình trong nước và quốc tế về KSQ.
09	Quản lý cơ sở dữ liệu của Khu sinh quyển.	- Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu của KSQ; - Nghiên cứu thiết lập và đưa vào vận hành hệ thống quan trắc thực địa (môi trường nước, động thực vật, dự báo sóng thần, khí tượng thủy văn); - Xây dựng hệ thống quản lý KSQ bằng công cụ GIS (hệ thống thông tin địa lý); - Đăng ký thành viên để cập nhật ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý và giám sát KSQ; - Ứng dụng công nghệ giải đoán ảnh vệ tinh phục vụ công tác giám sát môi trường và đa dạng sinh học trong KSQ;

STT	CHIẾN LƯỢC	GIẢI PHÁP ĐÁP ỨNG
		- Ứng dụng sinh học phân tử vào hoạt động nghiên cứu đa dạng nguồn gen và định hướng bảo tồn; - Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô trong việc phát triển nguồn giống các loại cây nông nghiệp và cây cảnh; - Ứng dụng công nghệ nhân giống san hô để tạo sản phẩm phục vụ thị trường.
10	Đầu tư cơ sở hạ tầng và xây dựng cơ bản.	Đầu tư và phát triển bảo tàng sinh vật biển trở thành điểm phục vụ nghiên cứu học tập và du lịch.

3.6. Xây dựng các chỉ tiêu, chỉ số giám sát thực hiện Kế hoạch

Bảng 4: Bộ chỉ số giám sát thực hiện Kế hoạch

STT	MỤC TIÊU	CHỈ SỐ GIÁM SÁT	Thời gian 2015-2019					ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
			15	16	17	18	19	
01	Đến năm 2020, 100% cán bộ cùng với 60% cộng đồng và du khách hiểu, tuân thủ và cùng nhau thực hiện các quy chế về KSQ, công tác bảo vệ môi trường, khai thác bền vững,...	Số người thực hiện	x	x	x	x	x	Các đơn vị tổ chức
02	Mỗi năm, phải có 20% cán bộ xã phường và các phòng ban liên quan được đào tạo về các lĩnh vực, kỹ năng chuyên môn và 30% cộng đồng được đào	Số người thực hiện	x	x	x	x	x	Các đơn vị tổ chức

	tạo về các ngành nghề để đáp ứng sự phát triển của du lịch.							
03	Đến năm 2020, xây dựng, tổng hợp được cơ sở dữ liệu về các yếu tố trong KSQ như diễn biến kinh tế xã hội, hệ sinh thái, vòng đời sinh vật, chất lượng nước, hình thức văn nghệ dân gian,....	Số kết quả nghiên cứu	x	x	x	x	x	UBND thành phố Hội An
04	Đến năm 2020, quản lý và kiểm soát tốt các quy chế trong KSQ theo nguyên tắc quản lý đa ngành, đa nghề, đa mục tiêu	Các bản quy chế được ban hành	x	x	x	x	x	UBND thành phố Hội An
05	Đến năm 2020, đáp ứng được nhu cầu sinh kế phù hợp, ổn định kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với tiêu chí KSQ cho 30% cộng đồng	Số hộ gia đình chuyển đổi sinh kế	x	x	x	x	x	Các đơn vị tổ chức
06	Mỗi năm, phải báo cáo đánh giá tác động của môi trường, du khách, cư dân ảnh hưởng đến các yếu tố trong KSQ.	Các báo cáo	x	x	x	x	x	UBND thành phố Hội An
07	Hằng năm, 30% cán bộ, lực lượng làm công tác bảo tồn biển, dự trữ sinh quyển, tài nguyên, môi trường, sinh thái được đào tạo về các lĩnh vực chuyên môn.	Số người tham dự	x	x	x	x	x	UBND thành phố Hội An

08	Mỗi năm, thu hút được 30% các nguồn tài trợ, nhân lực hỗ trợ cho các hoạt động của KSQ nói riêng và thành phố Hội An nói chung	Kinh phí và nhân lực	x	x	x	x	x	UBND thành phố Hội An
09	Đến năm 2020, xây dựng được hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu KSQ, bản đồ GIS, các trung tâm, phòng thí nghiệm nuôi cấy và ngân hàng gen.	Sản phẩm	x	x	x	x	x	KSQ
10	Mỗi năm, đầu tư, nâng cấp được 30% cơ sở hạ tầng như: hệ thống đê điều, kè biển, bảo tàng sinh vật và các xây dựng cơ bản cho cộng đồng ở nông thôn.	Sản phẩm	x	x	x	x	x	UBND thành phố Hội An

4. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Kế hoạch 2015-2019 sẽ được thực hiện bởi các bên liên quan trong Khu sinh quyển. Trong đó, BQL Khu sinh quyển thực hiện các hoạt động để phát huy vai trò điều phối (Chi tiết được thể hiện ở PHỤ LỤC 1); Các đơn vị Phòng Ban, địa phương của thành phố sẽ lồng ghép, bổ sung trong kế hoạch hằng năm, kế hoạch giai đoạn của đơn vị. Đặc biệt, sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ, các nhà khoa học, lực lượng tình nguyện viên đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện thành công Kế hoạch (Chi tiết được thể hiện ở PHỤ LỤC 2).

5. NHU CẦU TÀI CHÍNH

Bảng 5: Tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện KH (2015-2019)

DVT: 1.000.000 VNĐ

Đơn vị \ Năm	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng
BQL KSQ	4.825	4.655	4.440	3.810	4.855	22.595
Các bên phối hợp	3.366	4.386	2.926	3.365	3.999	17.293
Tổng	8.191	9.041	7.366	7.175	8.854	39.888

(Bảng chữ: Ba mươi chín tỷ, tám trăm, tám mươi tám triệu)

Trong đó, nhu cầu kinh phí dự nguồn hỗ trợ, kêu gọi như sau:

Bảng 6: Dự nguồn kinh phí

ĐVT: 1.000.000 VNĐ

Kinh phí	Ngân sách nhà nước		Vận động doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh	Kêu gọi tài trợ từ NGOs	Tổng
	Hội An	Tỉnh/TW			
Kinh phí	3.988,8	3.988,8	1.944,4	29.916,0	39.888
Tỉ lệ (%)	10	10	5	75	100

6. KIẾN NGHỊ

Để các hoạt động trong kế hoạch được phê duyệt và triển khai có hiệu quả, đạt được các mục tiêu đề ra, kính đề nghị:

- UBND thành phố Hội An chỉ đạo các cơ quan ban ngành địa phương nghiên cứu, lồng ghép các hoạt động có liên quan vào trong kế hoạch năm 2015 và kế hoạch giai đoạn 2016-2019 của đơn vị mình.

- Ban quản lý KSQ với vai trò điều phối sẽ hỗ trợ, giám sát các ban ngành địa phương trong việc triển khai tất cả các hoạt động có liên quan trong Kế hoạch.

- Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, Ban quản lý KSQ chịu trách nhiệm viết các đề xuất dự án để kêu gọi các nguồn lực đầu tư trong nước và quốc tế để thực hiện các hoạt động trong Kế hoạch.

- Các ngành, địa phương tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho Ban quản lý KSQ thực hiện các nội dung, giải pháp trong kế hoạch đồng thời tranh thủ nguồn vốn từ các chương trình của Trung ương, tỉnh và địa phương kể cả các nguồn vốn tài trợ quốc tế để thực hiện các giải pháp, các hoạt động đã được đề nghị có liên quan trong Kế hoạch./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UBND thành phố Hội An (2009), *Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 và Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 về việc thành lập BQL Khu DTSQ Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An.*
- [2] UBND thành phố Hội An (2013). *Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hội An đến năm 2020, tầm nhìn 2025.*
- [3] BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm (2012), *Báo cáo giám kết quả giám sát chất lượng nước biển ven bờ KBTB Cù Lao Chàm, Sở NN&PTNT Quảng Nam.*
- [4] Nguyễn Hữu Đại (2006), *Đánh giá hiện trạng tài nguyên đất ngập nước hạ lưu sông Thu Bồn và giải pháp quản lý, bảo vệ, phục hồi*, Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Quảng Nam, Việt Nam.
- [5] Nguyễn Văn Long (2008), *Đánh giá đa dạng sinh học và chất lượng môi trường khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm 2004 - 2008*, Viện Hải Dương học, Viện Khoa học Việt Nam.
- [6] UNESCO - MAB (2009), *Cu Lao Cham - Hoi An, Viet Nam has been designated for inclusion in the World Network of Biosphere Reserves*, 26/5/2009.
- [7] UNESCO - MAB (2009), “Sự tham gia”, Hội thảo tập huấn “*Phát huy tập quán cộng đồng trong các khu dự trữ sinh quyển và Di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam*”, UNESCO, MAB, UBND tỉnh Cà Mau, 10-19/3/2009, Cà Mau.
- [8] Nguyễn Đức Minh (2013), *Khu Dự trữ Sinh Quyển Cù Lao Chàm – Hội An; Những vấn đề cần quan tâm*, Hội thảo Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, ngày 24/10/2013, Hội An, Quảng Nam, Việt Nam.
- [9] Vũ Trung Tạng (2009), *Sinh thái học hệ sinh thái*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [10] Lê Ngọc Thảo, Huỳnh Ngọc Diên (2013), *Điều tra thành phần loài, vùng phân bố, hiện trạng khai thác và xây dựng mô hình đồng quản lý tôm Hùm, ốc Vú Nàng tại Cù Lao Chàm*, BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm.
- [11] Lê Ngọc Thảo (2011), *Kế hoạch quản lý và Phát triển du lịch Cù Lao Chàm 2011-2015 (PUP)*, BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm.

- [12] Hoàng Văn Thế, Chu Mạnh Trinh (2012), “*Hội thảo nghiên cứu học tập thực tế tại vùng cửa sông Thu Bồn và Cù Lao Chàm*”, Bộ môn Hệ sinh thái cửa sông, đầm phá, Lớp cao học K24, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.
- [13] Nguyễn Hoàng Trí (2013), *Khu Dự trữ Sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An; Thay đổi để thành công*, Hội thảo Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, ngày 24/10/2013, Hội An, Quảng Nam, Việt Nam.
- [14] Chu Mạnh Trinh (2011), “Đồng quản lý tài nguyên và môi trường tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển T11 (2011)*, 2, tr.79-95.
- [15] Chu Mạnh Trinh (2010), *Lợi ích cộng đồng trong hoạt động du lịch tại Khu Dự trữ Sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An*, Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Quảng Nam.
- [16] Chu Mạnh Trinh (2013), *Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An; Định hướng phát triển bền vững*, Hội thảo Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, ngày 24/10/2013, Hội An, Quảng Nam, Việt Nam.
- [17] Vo Si Tuan, Nguyen Van Long, Hua Thai Tuyen, Phan Kim Hoang, Nguyen Xuan Hoa, Pham Van Thom, Pham Huu Tam, Hans Dilev and Reno Linberg (2004), *Marine Habitats and Resouce Surveys of Cu Lao Cham Marine Protected Area*, Center for Tropical Ecosystems Research, University of Aarhus, Denmark, Institute of Oceanography, Nha Trang, Supported by the MPA Network Project, Quang Nam Province, Vietnam.

PHỤ LỤC 1:

Hoạt động chi tiết và khái toán nhu cầu kinh phí thực hiện bởi BQL KSQ Cù Lao Chàm.

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
1	Thực hiện chiến lược truyền thông			330	270	255	260	320
1.1	Tuyên truyền và phổ biến quy chế KSQ	a. Nói chuyện với cộng đồng: - 80 người/lớp/xã phường x 26 lớp; - 100 người/lớp/huyện x 6 lớp. b. Nói chuyện trong các buổi chào cờ với học sinh: 30 buổi.	- Cộng đồng nội ngoại thành - Học sinh các trường ở Hội An	100			100	
1.2	Truyền thông về đa dạng sinh học	a. Tổ chức 13 lớp TOT/13 xã phường; b. Phát tài liệu TT cho từng hộ gia đình: tờ rơi.			100			100
1.3	Hội thảo về KSQ và công tác truyền thông	Tổ chức hội thảo cho 60 cán bộ lãnh đạo của 13 xã phường, phòng ban.	Lãnh đạo TP, phòng ban, xã/phường	35				35

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
1.4	Truyền thông về bảo tồn rùa biển	13 lớp TOT/13 xã phường, 100 người/lớp.	Cộng đồng và du khách			50		
1.5	Kết nối với mạng lưới quốc gia	Đăng cai tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong mạng lưới theo phân công của MAB.	Hệ thống KSQ trong nước					100
1.6	Chương trình marketing cho DLST trong KSQ	- Hội thảo; - Famtrip; - Ấn phẩm quảng bá; - Làm phim ảnh.	Cộng đồng và du khách	105	70	105	70	35
1.7	Tuyên truyền về quy định khai thác thủy sản mang tính bền vững.	- Tổ chức 13 lớp cho 13 xã phường: 50 ngư dân/xã/lớp; - Tổ chức 6 lớp cho 6 huyện ven biển tỉnh Q.Nam: 100 ngư dân/huyện/lớp.	Những người khai thác thủy sản	90	50		90	50
1.8	Tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường	- Tổ chức 13 lớp cho 13 xã phường: 50 người/lớp/xã phường; - Tổ chức buổi mitting phát động đi làm bằng xe đạp: 650 cán bộ TP.	Cộng đồng, cán bộ		50	100		

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
2	Thực hiện chiến lược đào tạo nâng cao năng lực			140	150	150	150	200
2.1	Cập nhật thông tin, kiến thức về KSQ	a. 5 lớp tập huấn cho NV và HDV cty lữ hành: 50 người/lớp; b. 3 lớp TOT cho GV các trường: 50 ng/lớp; c. Biên soạn, in ấn sách lồng ghép về KSQ cho HS.	Nhân viên các công ty lữ hành, học sinh, giáo viên	50	70	70	70	120
2.2	Cập nhật thông tin, kiến thức và nâng cao năng lực quản lý KSQ	a. 1 lớp tập huấn về KSQ và cách quản lý: 30 ng/lớp; b. 1 hội thảo chuyên đề về KSQ: 30 ng/lớp; c. Xây dựng 1 diễn đàn về KSQ.	Lãnh đạo xã phường và phòng ban	20	10	10	10	10
2.3	Tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các KSQ trong và ngoài nước	a. 2 đợt tham quan trong nước hằng năm; b. 1 đợt tham quan nước ngoài hằng năm.	Cán bộ KSQ	50	50	50	50	50

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
2.4	Thiết lập các mối quan hệ & chia sẻ kinh nghiệm với KSQ trong và ngoài nước	Thường xuyên liên lạc, thông tin với các KSQ trong và ngoài nước qua website, email.	Cán bộ KSQ	20	20	20	20	20
3	Thực hiện chiến lược nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ			1450	950	50	50	50
3.1	Nghiên cứu phục hồi tự nhiên các hệ sinh thái cồn cát, vùng ven bờ sông trong KSQ	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ; - Thực hiện nội dung nghiên cứu.	Cộng đồng và du khách	500				
3.2	Nghiên cứu xác định các bãi đẻ tự nhiên của các loài thủy sản trong KSQ	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương & bảo vệ - Thực hiện nội dung nghiên cứu;	Cộng đồng và du khách		300			

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
3.3	Nghiên cứu giải pháp lâm sinh nhằm duy trì, tái phục hồi hệ sinh thái rừng đặc dụng CLC	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ; - Thực hiện nội dung nghiên cứu.	Cộng đồng và du khách		300			
3.4	Nghiên cứu bảo tồn hến và các loài 2 mảnh vỏ vùng hạ lưu sông Thu Bồn	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ; - Thực hiện nội dung nghiên cứu.	Cộng đồng và du khách	300				
3.5	Nghiên cứu giải pháp bảo tồn các loài chim và hệ động vật cận tại rừng dừa Cẩm Thanh và các vùng lân cận	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ; - Thực hiện nội dung nghiên cứu.	Cộng đồng và du khách	300				

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
3.6	Nghiên cứu sinh học, sinh thái, sinh sản và bệnh trên đàn chim yến tự nhiên CLC	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ; - Thực hiện nội dung nghiên cứu.	Cộng đồng và du khách		300			
3.7	Nghiên cứu các giải pháp bảo tồn hệ động vật rừng CLC	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ; - Thực hiện nội dung nghiên cứu.	Cộng đồng và du khách	300				
3.8	Hợp tác, phối hợp n/c với sinh viên, các nhà khoa học, các tổ chức trong và ngoài nước	Thường xuyên phối hợp với các trường ĐH trong và ngoài nước hướng dẫn SV nghiên cứu, làm đề tài KH.	Cán bộ KSQ	50	50	50	50	50
4	Xây dựng luận cứ khoa học hỗ trợ công tác quản lý			400	0	0	0	250

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
4.1	Nghiên cứu điều chỉnh phân vùng chức năng KSQ theo thời gian	- Lập tổ kỹ thuật; - Điều tra, khảo sát phân vùng; - Tổ chức 3 cuộc họp góp ý bản đồ phân vùng; - 1 hội thảo cấp TP để trình duyệt và phê chuẩn;		250				250
4.2	Xây dựng và cập nhật quy chế quản lý KSQ	- Tổ chức 4 cuộc tham vấn cộng đồng để thảo quy chế; - Xây dựng dự thảo quy chế; - 4 cuộc họp để bổ sung, thống nhất quy chế; 6 cuộc họp cộng đồng ven biển; 1 hội thảo góp ý cấp TP; Lấy ý kiến góp ý của các Sở, Ban, Ngành; Đề trình cấp thẩm quyền phê duyệt;		150				
5	Thực hiện chiến lược phát triển sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH			250	45	200	300	500
5.1	Nghiên cứu chiến lược phát triển sinh kế bền	- 9 cuộc tham vấn cộng đồng; - 3 cuộc họp góp ý; - Lập báo cáo kết quả nghiên cứu;	Cộng đồng			100		

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
	vững trong KSQ							
5.2	Triển khai thí điểm chương trình sinh kế bền vững trong KSQ	- Lựa chọn điểm thí điểm; - Triển khai mô hình thí điểm; - Báo cáo kết quả triển khai;					300	
5.3	Phát triển nhân rộng chương trình sinh kế bền vững	- Đầu tư CSVC để nhân rộng; - Báo cáo kết quả nhân rộng; - Tiếp tục nghiên cứu mở rộng thêm;						500
5.4	Xây dựng và phát triển nhãn hiệu sinh thái cho các sản phẩm KSQ	- Thiết kế và đăng ký nhãn hiệu; - Truyền thông.	Cộng đồng	250				
5.5	Hỗ trợ chuyển đổi sinh kế bền vững	T/c 1 lớp học nghề vận chuyển và phục vụ DL cho 50 người làm nghề te điện;	Những người đăng ký chuyển			100		

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
		- Hỗ trợ kinh phí chuyển đổi nghề.	đổi ngành nghề					
5.6	Đối thoại, tham vấn cộng đồng về sinh kế phù hợp với KSQ	Tổ chức 9 buổi đối thoại tham vấn cộng đồng ở 9 xã phường: 50 người/xã phường.	Doanh nghiệp, cộng đồng		45			
6	Thực hiện chiến lược giám sát, đánh giá			400	600	635	600	950
6.1	Xây dựng chương trình giám sát KSQ	Giám sát về đa dạng sinh học, hệ sinh thái, chất lượng môi trường.	KSQ	200	200	200	200	200
6.2	Giám sát tác động của du khách đến tài nguyên KSQ	Xây dựng bộ tiêu chí giám sát và áp dụng.	KSQ	200	200	200	200	200
6.3	Đánh giá tác động MT của các công trình xây dựng trong KSQ	Tham gia phản biện về các DA tiền khả thi và đánh giá tác động MT đối với các dự án khả thi.			200	200	200	200

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
6.4	Đánh giá hiệu quả triển khai KHQL KSQ giữa kỳ và cuối kỳ	- 4 cuộc họp cộng đồng; 2 đợt điều tra phỏng vấn; 5 cuộc họp tổ kỹ thuật; - Xây dựng báo cáo.				35		50
6.5	Xây dựng KHQL KSQ 2020 - 2024	- Tham vấn cộng đồng; - Thu thập thông tin; - Hội thảo.						300
7	Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực.			200	200	300	200	300
7.1	Đào tạo ngắn hạn, dài hạn các nhân viên của KSQ về các lĩnh vực	- Liên kết với các trường đại học, các tổ chức trong và ngoài nước; - Hỗ trợ cán bộ đi học.	Cán bộ KSQ	100		100		100
7.2	Hình thành các chuyên môn và các nhóm nghiên cứu chuyên ngành	Hình thành các nhóm n.cứu: • Sinh học&Sinh thái học. • Định loại học. • Phát triển cộng đồng. • Giáo dục/truyền thông. • Quản lý TN/môi trường • Giáo dục bảo tồn.	KSQ	100	100	100	100	100

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
		• Quản lý văn hóa. • Kiến trúc&cảnh quan đô thị. • Quản lý kinh tế. • Phát triển du lịch sinh thái. • Hợp tác quốc tế.						
7.3	Tạo điều kiện để thu hút các chuyên gia đầu ngành về KSQ	- Xây dựng cơ sở hạ tầng - Các chương trình liên kết	KSQ		100	100	100	100
8	Thực hiện chiến lược hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư			135	100	200	100	135
8.1	Thu hút đầu tư cho KSQ			35				35
8.2	Xây dựng và phát triển mạng lưới tình nguyện viên của KSQ trong và ngoài nước	- Kêu gọi tình nguyện viên; - Hợp tác các chương trình hành động.	KSQ	50	50	50	50	50

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
8.3	Khuyến khích trao đổi và đào tạo chuyên môn					100		
8.4	Hợp tác đào tạo với các trường, viện, tổ chức, chương trình trong nước và quốc tế về KSQ	- Các chương trình đào tạo; - Các nghiên cứu tại KSQ.	KSQ	50	50	50	50	50
9	Thực hiện chiến lược quản lý cơ sở dữ liệu của KSQ			1520	1850	1650	1650	1650
9.1	Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu của KSQ	Thiết kế phần mềm hệ thống dữ liệu KSQ.	KSQ	20				
9.2	Nghiên cứu thiết lập và đưa vào vận hành hệ thống quan	- Khảo sát, thiết lập địa điểm quan trắc; - Đầu tư trang thiết bị quan trắc;	KSQ	1000	300	300	300	300

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
	trắc thực địa (môi trường nước, động thực vật, dự báo sóng thần, khí tượng thủy văn)	- Lắp đặt hệ thống quan trắc; - Bảo dưỡng, duy trì hệ thống.						
9.3	Xây dựng hệ thống quản lý KSQ bằng công cụ GIS (hệ thống thông tin địa lý)	- Xây dựng bản đồ kỹ thuật số; - Xây dựng phần mềm quản lý hệ thống.			700	200	200	200
9.4	Đăng ký thành viên để cập nhật ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý & giám sát KSQ	Mua bản quyền bộ ảnh viễn thám.			50	50	50	50

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
9.5	Ứng dụng công nghệ giải đoán ảnh vệ tinh phục vụ công tác giám sát MT và ĐDSH trong KSQ	- Đào tạo nhân lực: 4 cán bộ. - Xây dựng quy trình quản lý các đối tượng: san hô, rừng ngập mặn, độ phủ xanh TP,...			300	100	100	100
9.6	Ứng dụng sinh học phân tử vào hoạt động nghiên cứu đa dạng nguồn gen và định hướng bảo tồn	- Đào tạo nhân lực; - Xây phòng thí nghiệm; - Xây dựng ngân hàng gen.					500	500
9.7	Ứng dụng C.Nghệ nuôi cấy mô trong phát triển nguồn giống cây nông	- Đào tạo nhân lực. - Xây phòng thí nghiệm; - Xây dựng các vườn thực nghiệm.				500	500	500

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
				2015	2016	2017	2018	2019
	ngiệp, cây cảnh							
9.8	Ứng dụng C.Nghệ nhân giống san hô để tạo sản phẩm phục vụ thị trường	- Đào tạo nhân lực; - Xây phòng thí nghiệm; - Xây dựng trại ương giống.	KSQ	500	500	500		
10	Thực hiện chiến lược đầu tư cơ sở hạ tầng và xây dựng cơ bản			0	0	800	700	500
10.1	Đầu tư phát triển bảo tàng sinh vật biển thành điểm phục vụ nghiên cứu, học tập và du lịch	- Xây dựng nhà trưng bày, hệ thống thông tin, mẫu vật; - Đào tạo nhân lực về bảo tàng.				800	700	500
TỔNG CỘNG:				4.825	4.665	4.440	3.810	4.855
				22.595				

PHỤ LỤC 2:

Hoạt động chi tiết và khái toán nhu cầu kinh phí đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện.

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
1	Thực hiện chiến lược truyền thông				815	206	266	105	100
1.1	Hội thi sáng tạo, đa dạng hoá sản phẩm gốm Thanh Hà	Tổ chức cuộc thi sáng tác trực tiếp các mẫu gốm cho cộng đồng Thanh Hà: 40 người	Cộng đồng làm nghề gốm Thanh Hà và du khách	- Chủ trì: P. KTế - Đơn vị phối hợp: P.VHTT, TTVHTT, TT QLBT DSVH		30			30
1.2	Xuất bản sách nghề yếm và tuyên truyền về miếu tổ nghề yếm	- Nghiên cứu nội dung, thiết kế, khảo sát bảng giới thiệu; - Xin chủ trương biên tập, xuất bản sách về Nghề Yếm CLC	Cộng đồng	- CT: TT QL & BTDSVH; - PH: P.VHTT, đội QL và khai thác Yếm, UBND xã Cẩm Thanh và Tân Hiệp			50		

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
1.3	Bổ sung các hoạt động hát Bài chòi, hát Hồ khoan, hát Tuồng vào các buổi sinh hoạt của cộng đồng	Mời diễn viên của TP về biểu diễn tại 77 thôn, khối trên toàn địa bàn thành phố Hội An	Cộng đồng	- CT: Trung tâm VH TT; - PH: Ban Tuyên giáo Thành ủy; Phòng VH TT; UBND các xã phường			50	50	50
1.4	Tuyên truyền về quy định an toàn vận chuyển đường thủy	- Trên biển: tổ chức 1 lớp cho 100 người lái ghe thuyền đưa khách đi CLC; - Trên sông: 1 lớp cho 100 người lái ghe thuyền ở bến Bạch Đằng.	Những người hành nghề vận chuyển khách DL trong KSQ	- BQL DL CLC; - UBND xã Tân Hiệp; - Công an giao thông TP; - Đoạn quản lý đường sông.	10	20	10	20	10

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
1.5	Tăng cường truyền thông một chiều tại các nơi công cộng	Lắp đặt pano với nội dung: nói không với túi nilon, tác hại của thuốc lá..5 pano x 13 xã phường (lắp đặt năm 2015, duy trì, bảo dưỡng 4 năm)	Cộng đồng và du khách	- P.TNMT chủ trì thực hiện - P.VHTT, TT VHTT phối hợp	780	156	156	10	10
1.6	Truyền thông tư vấn chuyển đổi nghề	Phát bản tin trên đài truyền thanh TP: 1 lần/tuần.	Ngư dân và Cộng đồng	- Đài TT thành phố và xã - Phóng viên	25			25	
1.7	Tuyên truyền về quy định xây dựng trong khu phố cổ	Liên kết thông tin với chiến lược BT DSVH TG.							
2	Thực hiện chiến lược đào tạo nâng cao năng lực				730	820	485	480	810

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
2.1	Nâng cao kiến thức sử dụng thuốc BVTV	Tổ chức 13 lớp tập huấn cho 13 xã phường: 50 người/xã /lớp (điều tra nhu cầu của các địa phương)	Nông dân và cộng đồng	- UBND tỉnh; - P.Kinh tế; - Chi cục BVTV tỉnh.	100				100
2.2	Nâng cao năng lực cho cộng đồng làm dịch vụ du lịch	Tổ chức 3 lớp đào tạo về: “Văn hóa ứng xử”, “Cách thức bày trí” và “Chăm sóc khách hàng”:	- Khách du lịch; - Cộng đồng.	- P. TMDL chủ trì; - P.VHTT, TT QLBT DSVH, TT VHTT, UBND 3 phường Minh An, Cẩm Phô, Sơn Phong		90			90
2.3	Đào tạo nâng cao kỹ thuật làm gốm cho cộng đồng Thanh Hà	Tổ chức 1 lớp học làm gốm cho cộng đồng: 20 người/lớp	Cộng đồng làm nghề gốm	- Phòng Kinh tế chủ trì. - UBND phường Thanh Hà phối hợp.		10			

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
2.4	Giảng dạy nhạc cổ truyền	Tổ chức 4 lớp dạy các thể loại nhạc: hò khoan, bả trạo, bài chòi, tuồng cho HS: 20 HS/lớp	Cộng đồng	- Cơ quan chủ trì: TT VH TT - Phối hợp: + Các địa phương, xã phường + Trường học	40				
2.5	Xúc tiến giới thiệu việc làm	Tổ chức 1 ngày hội việc làm hằng năm cho sinh viên và người lao động	Sinh viên Doanh nghiệp Người lao động	- Phòng TMDL		20			20
2.6	Bảo tồn các hình thức văn nghệ dân gian	Tổ chức cuộc thi hát hò khoan, bài chòi, tuồng	Cộng đồng, du khách	- Trung tâm VH TT chủ trì; - PH: Phòng VH TT, UBND các xã phường, các câu lạc bộ hát dân ca	30				

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
2.7	Nâng cao năng lực đáp ứng với sự phát triển dịch vụ du lịch cộng đồng	Tổ chức 6 lớp học tương ứng với 6 nội dung: nấu ăn; buồng phòng; lễ tân; hướng dẫn viên; ngoại ngữ; kỹ năng truyền thông	Cộng đồng	- P.TMDL chủ trì - Các phòng ban, trung tâm dạy nghề phối hợp		120			
2.8	Nâng cao năng lực BQL DL cộng đồng	Thành lập BQL DL một Kim Bồng	Xã viên và dân	- UBND xã Cẩm Kim tổ chức; - P. TMDL	5				
2.9	Nâng cao năng lực và duy trì hoạt động của đội cứu hộ rùa biển	Thành lập, xây dựng quy chế và duy trì hoạt động của đội cứu hộ rùa biển	Cộng đồng và du khách	- UBND tỉnh và xã phường	530	480	480	480	480

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
2.10	Nâng cao năng lực và kỹ năng giao tiếp ứng xử trong công tác kiểm soát du khách	Tổ chức 1 lớp tập huấn về kỹ năng giao tiếp ứng xử cho nhân viên soát vé ở phố cổ và CLC: 30 người/lớp	Nhân viên kiểm soát, bán vé	- TTVHTT - P. TMDL	20				20
2.11	Nâng cao năng lực truyền thông	Tổ chức 13 lớp TOT cho cán bộ 13 xã/ph, cán bộ thủy sản, môi trường: 50 người/lớp	- Lãnh đạo xã phường và phòng ban	- P. K tế - BTB - P.TNMT - UBND xã phường		100			100
2.12	Nâng cao năng lực thực thi pháp luật về khai thác thủy sản.	Tổ chức 1 lớp tập huấn cho 6 cán bộ thực thi pháp luật tại Thanh Hà, Cẩm Kim	- CA TP - Dân phòng - CB thủy sản - CB môi trường	- CA TP P. K tế, TNMT, , UBND các xã phường	5		5		

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
3	Thực hiện chiến lược nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ				700	1480	300	800	500
3.1	N/c, khảo sát đánh giá chất lượng và trữ lượng nước ngầm tại Thanh Hà, Cẩm Kim	- Khảo sát hiện trạng và xây dựng nhu cầu nước; - Xây dựng đề cương và bảo vệ hội đồng; - Thực hiện nội dung n.cứu.	Cộng đồng Thanh Hà, Cẩm Kim và du khách	P. TNMT, các viện và các trường		230	200	100	
3.2	N/c các yếu tố tác động đến sự nhiễm mặn toàn TP	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ hội đồng; - Thực hiện nội dung n.cứu.	Cộng đồng và du khách	P. TNMT, các viện và các trường				700	500

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
3.3	Nghiên cứu chất lượng nước trên toàn TP	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ hội đồng; - Thực hiện nội dung n.cứu.	Cộng đồng và du khách	P. TNMT, các viện và các trường	700	500			
3.4	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và định hướng bảo tồn nghề đánh bắt thủy sản truyền thống	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ hội đồng; - Thực hiện nội dung nghiên cứu.	- Cộng đồng - Chính quyền các cấp - Các ban ngành trong TP	- P.Kế chủ trì - UBND TP, xã phường, P.TCKH, P.VHTT, TTQLBT DSVH, P.TNMT, các đơn vị tư vấn, trường, viện nghiên cứu phối hợp		100	100		

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
3.5	N.cứu bảo tồn và phát huy các loại hình văn nghệ dân gian: bài chòi, hò khoan, hát tuồng	Đăng ký đề tài nghiên cứu cấp thành phố	Cộng đồng, chính quyền	Chủ trì: Trung tâm VH TT		150			
3.6	Nghiên cứu cơ sở KH phục vụ cho việc quy hoạch khu buôn bán nông sản lẻ.	- Khảo sát vị trí - Lập phương án, xin chủ trương TP - Hợp dân công bố phương án	Các hộ dân bán nông sản lẻ	- BQL dự án TP - Hội nông dân TP - Xã, phường	<i>Chiến lược dài hạn</i>				
3.7	Nghiên cứu lập dự án quy hoạch vùng khai thác cát	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ hội đồng; - Thực hiện nghiên cứu.	- Cộng đồng - Khách du lịch	- P.TNMT chủ trì - P.KT, P.TCKH,BTB, các đơn vị tư vấn phối hợp		500			

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
3.8	Nghiên cứu lập dự án quy hoạch khu vực chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung	- Khảo sát hiện trạng; - Xây dựng đề cương và bảo vệ hội đồng. - Thực hiện nội dung n.cứu.	Chủ hộ chăn nuôi, cư dân	- UBND TP - TT giải tỏa đền bù - Hội nông dân	<i>Chiến lược dài hạn</i>				
4	Xây dựng luận cứ khoa học hỗ trợ công tác quản lý				371	1050	1035	1140	1120
4.1	Xây dựng và ban hành quy định về lặn đêm trong KSQ	Xây dựng và ban hành quy định lặn đêm trong KSQ	Cộng đồng	- UBND tỉnh ban hành - KSQ và UBND TP tham mưu	40				
4.2	Tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ quản lý, giám sát cua đá, tôm hùm	Thành lập và duy trì hoạt động của BQL giám sát khai thác cua đá, tôm hùm		UBND TP, UBND xã Tân Hiệp, BTB	8				

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
4.3	Xây dựng mô hình ĐQL bãi đẻ cá mú tại cửa sông Thu Bồn	Thiết lập và vận hành mô hình			200				
4.4	Có kế hoạch thường niên về công tác tuyên truyền KSQ	Xây dựng và ban hành chính sách tuyên truyền về KSQ	Khu DTSQ	- UBND TP - P. Kinh tế, TNMT, BTB, VHTT		15			
4.5	Tăng cường hiệu quả công tác bảo tồn các di tích cấp cộng đồng	Phụ cấp cho người phụ trách quản lý các di tích cấp cộng đồng như Miếu Bà Dàng	Cộng đồng địa phương	- TTQLBT DSVH chủ trì - P.VHTT, UBND phường Thanh Hà,	3				

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
4.6	Tăng cường hiệu quả việc quản lý khai thác thủy sản trong KSQ	Xây dựng và ban hành quy chế quản lý khai thác thủy sản		Các phòng ban liên quan	50				
4.7	Trùng tu các di tích	Đầu tư kinh phí trùng tu, phục dựng Đình Thanh Nhút, đền đá An Bàng	Cộng đồng và du khách	- TTQLBT DSVH chủ trì - Các phòng ban TP, đại diện cộng đồng		1000	1000	1000	1000
4.8	Có chính sách đối với phong trào hát Bả Trạo ở cộng đồng	Hỗ trợ kinh phí cho người hát Bả Trạo	Cộng đồng	- TT QLBT DSVH chủ trì - Phối hợp: + Trung tâm VH TT + UBND các xã	10	10	10	15	15

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
4.9	Tăng cường hiệu quả QL đối tượng môi giới trong hoạt động DL	- Tổ chức 1 hội thảo cấp TP để tham vấn ý kiến các bên liên quan - Tổ chức 4 cuộc tham vấn cộng đồng	Cộng đồng và du khách	- P. TMDL - P. Tư pháp - P. VH TT	20				
4.10	Tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ giám sát cộng đồng	Tổ chức các cuộc họp hằng quý cho tổ cộng đồng			20	20	20	20	20
4.11	Tăng cường an ninh trật tự tại các nơi công cộng	Xây dựng và ban hành việc đậu đỗ xe tại chợ Hội An	Cộng đồng	- P. QL Đô thị chủ trì - PH: Công an TP, BQL chợ Hội An, đội kiểm tra quy tắc, UBND Minh An	5				

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
4.12	Tăng cường hiệu quả việc mua bán chuyển nhượng nhà ở trong khu phố cổ	Xây dựng và ban hành quy định mua bán, chuyển nhượng nhà ở trong khu phố cổ	Cộng đồng	- UBND TP chủ trì. - TTQLBT DSVH tham mưu. - Các phòng ban, đoàn thể, chính quyền P.Minh An phối hợp	10				
4.13	Tăng cường quản lý hoạt động của các tổ xe ôm ở CLC	Xây dựng và ban hành quy chế quản lý hoạt động của xe ôm CLC	- Những người làm nghề xe ôm tại CLC. - Du khách	- UBND xã Tân Hiệp chủ trì. - P.TMDL, VHTT, Tư pháp, TCKH, phối hợp	5	5	5	5	5
4.14	Liên kết, phối hợp quản lý lưu vực	Thành lập tổ quản lý rừng đầu nguồn	- Cộng đồng	- UBND tỉnh. - Sở Nông nghiệp. UBND huyện (P.TNMT)				100	100

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
5	Thực hiện chiến lược giám sát, đánh giá.				720	730	740	740	720
5.1	Tăng cường độ phủ cây xanh, của rừng phòng hộ và rừng ngập mặn	- Trồng cây xanh trong TP.	Cộng đồng	UBND TP, công ty cây xanh và người dân phối hợp	220	220	220	220	220
5.2	Nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng	Lắp đặt hệ thống nước sạch cho hộ gia đình ở C.Thanh	Cộng đồng	- UBND TP, xã Cẩm Thanh - Hộ gia đình. - Ban QL DA		10	20	20	
5.3	Tăng cường năng lực thu gom và xử lý rác thải ở Cẩm Thanh	Tăng cường thời lượng và tuyến đường thu gom lên 3 lần/tuần ở Cẩm Thanh	Cộng đồng	Cty CTCC, P.TNMT và UBND TP	500	500	500	500	500
6	Thực hiện chiến lược hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư				30	0	0	0	0

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
6.1	Thu hút đầu tư cho nghề thủ công đan lát mây tre	Tổ chức hội chợ hợp tác doanh nghiệp	- Các hộ dân làng nghề thủ công	- P.KT chủ trì. - ĐV phối hợp: UBND xã phường, HTX làng nghề, DN	30				
7	Thực hiện chiến lược đầu tư cơ sở hạ tầng và xây dựng cơ bản				0	100	100	100	0
7.1	Đáp ứng nhu cầu đi lại của cộng đồng và du khách	Xây 1 cây cầu từ Hội An qua Cẩm Kim	Cộng đồng		<i>Chiến lược dài hạn</i>				
7.2	Chống xói lở và nâng cao khả năng đáp ứng với biến đổi khí hậu	Xây kè ở biển Cửa Đại và đoạn Thanh Tam Tây – Tam Đông – Vạn Lãng	Cộng đồng	- UBND xã phường và TP. - Chuyên gia. - Nhà thầu công trình. - Cán bộ xã/phường.	<i>Chiến lược dài hạn</i>				

STT	GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI	ĐƠN VỊ THỰC THI VÀ PHỐI HỢP	KHÁI TOÁN (Triệu đồng)				
					2015	2016	2017	2018	2019
7.3	Nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường	Xây hầm rút hộ gia đình ở khu vực nông thôn: 50 hộ	Hộ gia đình	Hộ gia đình và dự án		100	100	100	
7.4	Tối ưu hoá hệ thống giao thông đường thủy nội địa	Khơi thông dòng chảy khu vực Cửa Đại, đoạn sông Vạn Lãng	- Ngư dân. - Khách và công ty DL	- UBND TP. - Các đơn vị tư vấn	<i>Chiến lược dài hạn</i>				
TỔNG CỘNG:					3.366	4.386	2.926	3.365	3.999
					17.293				